

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HS-ST
Ngày: 30-6-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Kim Huế - Hiệu trưởng T THCS Phan Chu Trinh thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Cầm Văn Nam - Cán bộ hưu trí phường 1 thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2021/TLST-HS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Đình T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14/11/2004; tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: số nhà 43 V, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phan Đình Q, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Thùy C, sinh năm 1979, cùng trú tại: số nhà 43 V, xã Lộc T, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cầm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

+ *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phan Đình T:* Ông Phan Đình Q, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Thùy C, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: số nhà 43 V, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Có mối quan hệ là cha và mẹ ruột. Bà C có mặt, ông Q vắng mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Phan Đình T:* Ông Vũ Cát Đ là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

+ *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 18A N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Y L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và hẻm số 524 Q, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. Cháu Trần Minh Q, sinh ngày 26/7/2004

Người đại diện hợp pháp cho cháu Q: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1978 và bà Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Số 21 N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mối quan là cha và mẹ ruột. *Cháu Q có mặt; ông T, bà M vắng mặt.*

+ *Người làm chứng:* Cháu Nguyễn Trần Tiên H, sinh ngày 13/4/2004

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 155/14 M, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mối quan là mẹ ruột. *Cháu H và bà Thủy vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 24/02/2021, Phan Đình T nhắn tin qua Messenger cho Trần Minh Q, sinh ngày 26/7/2004, địa chỉ: số nhà 23 N, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng với nội dung muốn bán 01 con chó béc zê Bỉ Malinois giống cái, đang mang bầu với giá 1.000.000 đồng, biết vậy, Q hẹn tối cùng ngày xuống xem chó. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi cùng Nguyễn Trần Tiên H, sinh ngày 13/4/2004, địa chỉ: Tổ 18, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng đến nhà T. Khi gặp Q, T cho biết con chó đang đẻ tại nhà bà Nguyễn Thị M (là bà nội của T), sinh năm 1946, địa chỉ: số 18A N, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng rồi dẫn Q và H đi đến nhà bà M. Khi đến cách nhà bà M khoảng 100m, T nói Q, H đứng chờ tại số nhà 21 N, còn T đi bộ ra phía sau nhà bà M tháo dây xích dắt chó ra cho Q xem. Sau khi xem xong, Q đồng ý mua và đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng rồi cùng H đem con chó đến hẻm số 524 Q, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng bán cho anh Phạm Y L, sinh năm 1991, địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng với số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này Q đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 25/02/2021, bà M phát hiện bị mất chó nên trình báo đến Công an phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 34/2021/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2021 của hội đồng định giá Tp. B, tỉnh Lâm Đồng kết luận: con chó loại béc zê Bỉ giống cái, trọng lượng 17,5kg trị giá 7.000.000 đồng..

Bản Cáo trạng số 114/CT-VKSBL, ngày 14 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phan Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Đình T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Bị cáo thuộc T hợp miễn hình phạt bổ sung.

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã tạm giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 con chó béc zê Bỉ nên

không xem xét. Số tiền 1.000.000đ đại diện hợp pháp của bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại nên trả lại cho anh Phạm Y L là phù hợp.

* *Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Anh Phạm Y L yêu cầu cháu Trần Minh Q phải bồi thường 3.000.000đ. Phần xử lý vật chứng đã trả cho anh L 1.000.000đ nên buộc cháu Q bồi thường tiếp cho anh Phạm Y L số tiền 2.000.000đ là phù hợp.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

+ Người bào chữa cho bị cáo T là ông Vũ Cát Đ trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố. Bị cáo đã nhất thời phạm tội, lúc phạm tội dưới 18 tuổi, thực hiện trộm cắp tài sản đối với người thân (bà M là bà nội của bị cáo). Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt và quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi, xử phạt bị cáo hình phạt chính là cải tạo không giam giữ là phù hợp.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Đình T, bà Lê Thị Thùy C trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của người bào chữa là ông Vũ Cát Đ, không có ý kiến gì thêm.

+ Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về bản Cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Minh Q trình bày: Có mua của bị cáo Phan Đình T 01 con chó với giá 1.000.000đ, sau đó bán lại cho anh Phạm Y L được 3.000.000đ, số tiền này đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 29/6/2021 cháu Q đã bồi thường cho anh Phạm Y L toàn bộ số tiền 3.000.000đ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi cấu thành tội phạm: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa bị cáo Phan Đình T đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung bản Kết luận điều tra; nội dung Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định và đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Phan Đình T, sinh ngày 14/11/2004, tính đến ngày 24/02/2021 mới được 16 tuổi 03 tháng 10 ngày. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/02/2021, tại phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng, Phan Đình T đã lén lút trộm cắp được con chó loại bécxê Bì, trọng lượng 17,5kg của bà Nguyễn Thị M, trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất và mức độ của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, với mục đích nhằm thỏa mãn nhu cầu cho bản thân và với thái độ xem thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo thực hiện tội phạm ít rất nghiêm trọng, gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; lúc phạm tội bị cáo mới được 16 tuổi 03 tháng 10 ngày. Vì vậy, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 90 và Điều 91 quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Căn cứ vào qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo và phòng ngừa. Vì vậy, áp dụng cho bị cáo Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Quá trình điều tra, cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã tạm giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 con cho báczê Bì nên không xem xét.

Số tiền 1.000.000đ đại diện hợp pháp của bị cáo T nộp để bồi thường thiệt hại nên trả lại số tiền này cho anh Phạm Y L là phù hợp.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự giải quyết như sau: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Anh Phạm Y L yêu cầu cháu Trần Minh Q phải bồi thường số tiền 3.000.000đ. Tại phần xử lý vật chứng đã trả lại cho anh L số tiền 1.000.000đ. Buộc cháu Q tiếp tục bồi thường số tiền 2.000.000đ cho anh L là phù hợp.

Xét ý kiến của cháu Q cho rằng: Ngày 29/6/2021 cháu đã bồi thường đủ cho anh Phạm Y L số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa cháu Q thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả số tiền 3.000.000đ cho anh L nên không có căn cứ chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác: Đối với cháu Trần Minh Q và anh Phạm Y L là người mua tài sản của bị cáo Phan Đình T nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[11] Xét ý kiến trình bày luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[12] Xét ý kiến trình bày bào chữa của ông Vũ Cát Đ. Như phân tích ở trên thì đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về ...án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Q và đại diện hợp pháp của cháu Q đều không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Đình T 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Đình T cho Ủy ban nhân dân xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong T hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án hình sự được thực hiện theo Luật thi hành án Hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Phạm Y L số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) theo ủy nhiệm chi số 69 ngày 22/6/2021 giữa cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc cháu Trần Minh Q (người đại diện hợp pháp là ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị Ngọc M) phải bồi thường cho anh Phạm Y L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Đình T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc cháu Trần Minh Q (người đại diện hợp pháp là ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị Ngọc M) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A.DS thành phố B;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công